

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 114/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 31 - 3 - 2021
V/v tranh chấp “Ly hôn, nuôi con
khi ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Phước Sang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Tấn Khoa
2. Ông Ngô Văn Mừng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Lê Hồng Duyên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới tham gia phiên tòa:
Ông Lê Hoàng Vĩnh – Kiểm sát viên

Trong ngày 31 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 984/2020/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 12 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 96/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 02 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 124/2021/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới giữa:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị Th1, sinh năm 1987

Địa chỉ: Ấp Đ, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang (có mặt)

2. *Bị đơn:* Anh Lê Thanh T, sinh năm 1985

Địa chỉ: Ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Th1 trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Th1 và anh T tự tìm hiểu và tiến tới hôn nhân vào năm 2007, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 14/7/2008. Sau khi kết hôn thì vợ chồng đi làm tại

Bình Dương, không có sống tại nhà của cha mẹ. Vợ chồng chung sống đến khoảng năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, vợ chồng thường hay bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cự cãi. Ngoài ra, anh T còn có hành vi bạo lực gia đình đối với chị Th1 nhưng chị không có trình báo chính quyền địa phương. Đến năm khoảng 2019, chị Th1 có nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới nhưng còn suy nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng và lo cho con nên chị Th1 cho anh T thêm một cơ hội để sửa đổi tính tình, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị Th1 đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Tuy nhiên, anh T chỉ sửa đổi tính tình trong thời gian khoảng nửa năm đầu, sau đó thì anh T vẫn tính nào, tật nấy, không sửa đổi tính tình nên vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân được khoảng 02 tháng nay. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị Th1 yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Thái V, sinh ngày 25/7/2008 và Lê Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 31/3/2011. Hiện cháu Lê Nguyễn Kiều Tr đang sống chung với chị Nguyễn Thị Th1, còn cháu Lê Nguyễn Thái V đang sống với anh T. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Th1 yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Kiều Tr; chị Th1 đồng ý để anh Lê Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Thái V. Chị Nguyễn Thị Th1 và anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại Tờ tự khai ngày 23/02/2021, bị đơn anh Lê Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Không đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Th1 vì anh còn thương vợ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Lê Nguyễn Thái V, sinh ngày 25/7/2008 và Lê Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 31/3/2011. Hiện cháu Lê Nguyễn Kiều Tr đang sống chung với chị Nguyễn Thị Th1, còn cháu Lê Nguyễn Thái V đang sống với anh T. Sau khi ly hôn, anh T yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Thái V; anh T đồng ý để chị Nguyễn Thị Th1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Kiều Tr; hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

Chị Nguyễn Thị Th1 vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Anh Lê Thanh T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

Việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án dân sự ở giai đoạn sơ thẩm: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã làm đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Chị Nguyễn Thị Th1 khởi kiện xin ly hôn anh Lê Thanh T có nơi cư trú tại ấp T, xã MH, huyện CM, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Anh Lê Thanh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 02 để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Lê Thanh T.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Đối với quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th1 và anh Lê Thanh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang ngày 14/7/2008 theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình, là hôn nhân hợp pháp nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ lời trình bày của chị Nguyễn Thị Th1, vợ chồng chung sống đến năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hợp, thường hay bất đồng quan điểm nên thường xảy ra cự cãi. Đến năm khoảng 2019, chị Th1 có nộp đơn khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh T tại Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới nhưng còn suy nghĩ đến tình nghĩa vợ chồng và lo cho con nên chị Th1 cho anh T thêm một cơ hội để sửa đổi tính tình, hàn gắn tình cảm vợ chồng nên chị Th1 đã rút đơn khởi kiện và Tòa án đã ra quyết định đình chỉ giải quyết vụ án. Sau đó, anh T vẫn tính nào, tật nấy, không sửa đổi tính tình nên vợ chồng tiếp tục phát sinh mâu thuẫn và sống ly thân từ cuối năm 2020 cho đến nay. Trong thời gian vợ chồng sống ly thân, anh T không có liên lạc, thăm nom vợ, con; gia đình 02 bên và bản thân anh chị không có hàn gắn tình cảm vợ chồng. Tại Tờ tự khai ngày 23/02/2021, anh T không đồng ý ly hôn với chị Th1 vì còn thương vợ. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật để tiến hành hòa giải, hàn gắn tình cảm vợ chồng cho chị Th1 và anh T nhưng anh T đều vắng mặt, xem như đã tự từ bỏ quyền của mình nên Tòa án không tiến hành hòa giải được. Mặt khác, anh T cũng không đưa ra được biện pháp để hàn gắn tình cảm vợ chồng, thể hiện anh T không có thiện chí níu kéo quan hệ hôn nhân giữa anh chị. Do đó, có đủ căn

cứ xác định mâu thuẫn giữa vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, việc chị Th1 yêu cầu ly hôn anh Thành phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình nên có cơ sở chấp nhận.

[2.2] Đối với con chung: Chị Th1 và anh T đều xác định vợ chồng có 02 con chung tên Lê Nguyễn Thái V, sinh ngày 25/7/2008 và Lê Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 31/3/2011. Hiện nay cháu Lê Nguyễn Kiều Tr đang sống chung với chị Nguyễn Thị Th1, còn cháu Lê Nguyễn Thái V đang sống với anh T. Sau khi ly hôn, chị Nguyễn Thị Th1 yêu cầu được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Kiều Tr; chị Th1 đồng ý để anh Lê Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là cháu Lê Nguyễn Thái V. Tại Tò tự khai ngày 23/02/2021, anh Lê Thanh T thống nhất với yêu cầu của chị Th1. Xét thấy, việc giao con chung chưa thành niên cho người chăm sóc, nuôi dưỡng sau khi ly hôn phải đảm bảo điều kiện phát triển tốt nhất cho con cả về vật chất lẫn tinh thần. Hiện nay cháu Lê Nguyễn Kiều Tr đang sống với chị Th1, cháu Lê Nguyễn Thái V đang sống với anh T nên tình cảm của các cháu đã gắn liền với người nuôi dưỡng và cháu Tr cũng có nguyện vọng được sống với chị Th1; đối với cháu V thì Tòa án không ghi nhận được ý kiến của cháu. Do đó, để ổn định cuộc sống cho cháu Tr và cháu V nên yêu cầu của chị Th1 và anh T phù hợp với khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.3] Đối với tài sản chung, nợ chung: Đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét. Trường hợp sau này có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án dân sự khác.

[2.4] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án, chị Nguyễn Thị Th1 phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

Điều 28, 35, 39, 147, 227, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 116, 117 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Th1.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Th1 được ly hôn anh Lê Thanh T.

Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 123 do Ủy ban nhân dân xã Mỹ Hiệp, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp ngày 14/7/2008 không còn giá trị pháp lý.

[2] Về con chung:

Chị Nguyễn Thị Th1 được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Kiều Tr, sinh ngày 31/3/2011, hiện đang sống chung với chị Nguyễn Thị Th1.

Anh Lê Thanh T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Lê Nguyễn Thái V, sinh ngày 25/7/2008, hiện đang sống chung với anh Lê Thanh T.

Chị Nguyễn Thị Th1 và anh Lê Thanh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị Nguyễn Thị Th1, anh Lê Thanh T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở nhau trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ghi nhận chị Nguyễn Thị Th1 và anh Lê Thanh T xác định không có nợ chung trong thời kỳ hôn nhân, nhưng sau khi quyết định ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có người khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì chị Nguyễn Thị Th1 và anh Lê Thanh T vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Chị Nguyễn Thị Th1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm nghìn) đồng đã nộp theo Biên lai số 0009082 ngày 11/12/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

[6] Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

[7] Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Đương sự;
- **UBND xã Mỹ Hiệp;**
- Văn phòng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Phước Sang